

Họ và tên:

Lớp:

Toán 5 – Bài 2: Ôn tập các phép tính với số tự nhiên

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Chọn biểu thức tương đương với $32 \times 85 + 32 \times 24$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $32 \times (85 + 24)$ B. $32 \times (85 - 24)$ C. $85 \times (32 + 24)$ D. 32×85

Câu 2. Chọn biểu thức tương đương với $74 \times (81 + 41)$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $74 \times 81 + 74 \times 41$ B. $74 \times 81 + 41$
C. $74 \times 81 - 74 \times 41$ D. $(74 + 81) \times 41$

Câu 3. Cho phép chia có dư $727:66 = 11$ (dư 1). Chọn phép tính kiểm tra đúng.

- A. $727 = (66 + 1) \times 11$ B. $727 = 66 \times 11 + 1$
C. $727 = 66 \times 11 - 1$ D. $727 = 727 \times 11 + 1$

Câu 4. Chọn biểu thức tương đương với $57 \times (31 + 12)$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $57 \times 31 + 12$ B. $(57 + 31) \times 12$
C. $57 \times 31 + 57 \times 12$ D. $57 \times 31 - 57 \times 12$

Câu 5. Chọn biểu thức tương đương với $51 \times (70 + 10)$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $51 \times 70 + 51 \times 10$ B. $51 \times 70 - 51 \times 10$
C. $51 \times 70 + 10$ D. $(51 + 70) \times 10$

Câu 6. Chọn biểu thức tương đương với $14 \times 90 - 14 \times 11$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $14 \times (90 + 11)$ B. $14 \times (90 - 11)$ C. $15 \times (90 - 11)$ D. $14 \times 90 - 11$

Câu 7. Chọn biểu thức tương đương với $45 \times (23 - 16)$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

A. $45 \times 23 - 45 \times 16$

B. $45 \times 23 - 16$

C. $44 \times (23 - 16)$

D. $45 \times 23 + 45 \times 16$

Câu 8. Một phép chia có dư có số bị chia là 5151, số chia là 57, thương là 90 và số dư là 21. Chọn phép tính kiểm tra đúng.

A. $5151 = 57 \times 90 + 21$

B. $5151 = 57 \times 90 - 21$

C. $5151 = (57 + 21) \times 90$

D. $5151 = 5151 \times 90 + 21$

Câu 9. Quan sát biểu đồ cột dưới đây. Trung bình cộng số lượng của 4 nhóm là bao nhiêu?



A. 42 quyển sách

B. 40 quyển sách

C. 160 quyển sách

D. 32 quyển sách

Câu 10. Chọn biểu thức tương đương với $62 \times 37 - 62 \times 7$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

A. $62 \times (37 - 7)$

B. $62 \times (37 + 7)$

C. $63 \times (37 - 7)$

D. $62 \times 37 - 7$

Câu 11. Trong biểu thức $35 + 6 \times 10 - 36 : 9$, phép tính nào cần thực hiện đầu tiên?

A. $35 + 6$

B. $36 : 9$

C. 6×10

D. $10 - 36$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính các phép tính sau.

a) $711\ 652 : 2 = \dots\dots\dots$

b) $6\ 368\ 152 : 7 = \dots\dots\dots$

c) $2\ 418\ 648 : 8 = \dots\dots\dots$

d) $869\ 466 : 3 = \dots\dots\dots$

e) $1\,269\,496 : 2 = \dots\dots\dots$

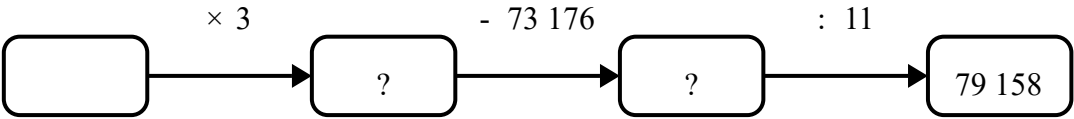
f) $982\,848 : 4 = \dots\dots\dots$

g) $4\,229\,239 : 7 = \dots\dots\dots$

h) $679\,120 : 5 = \dots\dots\dots$

Bài 2. Quan sát chuỗi phép tính và tìm số ban đầu còn thiếu.

Hãy điền số thích hợp vào ô đầu tiên của chuỗi phép tính:



Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện các biểu thức sau.

a) $3 \times 46 + 97 \times 46 = \dots\dots\dots$

b) $8 \times 9 + 8 \times 21 = \dots\dots\dots$

c) $22 \times 27 + 68 \times 27 = \dots\dots\dots$

d) $69 \times 67 + 11 \times 67 = \dots\dots\dots$

Bài 4. Đặt tính rồi tính.

$92947282 - 91465478$

$9078078 - 7377375$

a)

.....
.....
.....

b)

.....
.....
.....

$93 - 74$

$568936 - 413914$

c)

.....
.....
.....

d)

.....
.....
.....

Bài 5. Mẹ mua một số mặt hàng ở cửa hàng tạp hóa theo bảng sau:

Mặt hàng	Đơn giá	Số lượng mua
sách tham khảo	75 000 đồng/quyển	6 quyển
cặp sách	341 000 đồng/chiếc	2 chiếc
hộp sữa	13 000 đồng/hộp	17 hộp
vở ô li	19 000 đồng/quyển	6 quyển

Tính tổng số tiền phải trả và trình bày bài giải.

Bài giải

.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
Bài 6. Một tấm thảm hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 72dm. Tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài là 11: 20. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Trình bày lời giải đầy đủ để tìm diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Bài 7. Giải bài toán sau.

Bạn Hà xem giá một số đồ vật ở cửa hàng thể thao. Giá tiền của từng đồ vật là: dây nhảy giá 19 500 đồng; bình giữ nhiệt giá 471 500 đồng; vợt cầu lông giá 122 000 đồng; mũ bơi giá 217 000 đồng; quả bóng giá 112 500 đồng. Trung bình mỗi đồ vật có giá bao nhiêu đồng?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
Bài 8. Một kho hàng ban đầu có 39 162 thùng hàng. Một kho hàng nhập thêm 8005 thùng hàng. Sau đó, kho hàng đó chuyển đi 11 948 thùng hàng. Sau hai lần thay đổi, kho hàng đó còn lại bao nhiêu thùng hàng?

Em hãy trình bày bài giải để tìm số thùng hàng còn lại.

Bài giải

Bạn Nam đưa cho người bán 1 488 000 đồng để mua 2 bộ truyện thiếu nhi, mỗi bộ truyện thiếu nhi giá 307 000 đồng tại siêu thị. Người bán cần trả lại bạn Nam bao nhiêu tiền?

Bài 10. Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật. Chiều dài hơn chiều rộng 6m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tính chu vi của một mảnh vườn đó.

Bài giải

---HẾT---